TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 8 – 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Ông Nguyễn Thế Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Thành L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 178/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Phạm Huỳnh Bích T, sinh năm 1990.

HKTT: Số 178/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 86/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L1, chị T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Thành L1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T quen biết nhau khoảng gần 04 -05 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G,

huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2012. Đây là hôn nhân lần đầu của anh.

Sau khi kết hôn anh và chị T sống chung cùng cha mẹ anh tại địa chỉ 178/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, phần lớn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chị T nóng tính mỗi lần cãi nhau là bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở. Đến khoảng đầu năm 2017 hai vợ chồng đã sống ly thân chị T đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống tại số 86/Đ, ấp P, xã G, huyện T còn anh vẫn ở tại nhà tại số 178/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Từ đó đến nay thì hai vợ chồng không còn qua lại quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, độc lập về mọi mặt. Khi vợ chồng ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L1 vẫn thường xuyên qua thăm con và chở con đi chơi do nhà hai bên gần nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và bạn bè tiếp tục hòa giải cho đoàn tụ nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh L1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Huỳnh Bích T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Vũ Phạm Kỳ D, sinh ngày 09/10/2018 và cháu Vũ Phạm Thành L2, sinh ngày 29/6/2014. Hiện tại cháu đang sống với chị T và gia đình bên ngoại. Khi ly hôn anh L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Phạm Thành L2 và đồng ý giao cháu Vũ Phạm Kỳ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh L1 làm tự do thu nhập bình quân hàng tháng 8-10 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Phạm Huỳnh Bích T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 06/7/2022 nguyên đơn có "Đơn xin xét xử vắng mặt", đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thành L1 được ly hôn với chị Phạm Huỳnh Bích T.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Phạm Thành L2, sinh ngày 29/6/2014 cho anh Vũ Thành L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Phạm Kỳ D, sinh ngày 09/10/2018 cho chị Phạm Huỳnh Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc anh Vũ Thành L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn chị Phạm Huỳnh Bích T đang cư trú tại số 86/Đ, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Thành L1 và chị Phạm Huỳnh Bích T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/5/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh L1 và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của anh L1 đối với chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng anh L1 và chị T đã để xảy ra mâu thuẫn khoảng hơn 04 năm nay, đầu năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên hai vợ chồng sống ly thân cho đến

nay. Tòa án đã về nơi cư trú của chị Phạm Huỳnh Bích T xác minh nơi cư trú của chị T, chính quyền địa phương xác nhận chị T hiện đang sinh sống tại địa phương.

Theo nguyên đơn anh L1 cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng chị T đều vắng mặt, chị T cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh L1 và chị T đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng anh L1 và chị T chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Vũ Phạm Thành L2, sinh ngày 29/6/2014 và cháu Vũ Phạm Kỳ D, sinh ngày 09/10/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Vũ Phạm Thành L2 và đồng ý giao cháu Vũ Phạm Kỳ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nhận thấy: quá trình vợ chồng anh L1 và chị T xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu Duyên và cháu L2 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 vẫn thường xuyên qua lại thăm và đưa các con đi chơi vì hai nhà gần nhau. Anh L1 có nghề nghiệp ổn định, hiện làm tự do thu nhập bình quân từ 8 đến 10 triệu/tháng. Ngoài ra còn có cha mẹ để phụ giúp về tài chính và thời gian để đưa đón cháu đi học, anh L1 có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để chăm lo cho cháu L2. Ngoài ra theo biên bản lấy lời khai cháu L2 xét thấy cháu có nguyện vọng được sống cùng cha khi anh L1 và chị T ly hôn. Do đó, để tôn trọng ý nguyện của cháu L2 và đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cần giao cháu Vũ Phạm Thành L2 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra để đảm không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Vũ Phạm Kỳ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh L1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Thành L1 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", anh Vũ Thành L1 được ly hôn với chị Phạm Huỳnh Bích T.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Phạm Thành L1, sinh ngày 29/6/2014 cho anh Vũ Thành L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Phạm Kỳ D, sinh ngày 09/10/2018 cho chị Phạm Huỳnh Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Thành L1 và chị Phạm Huỳnh Bích T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Vũ Thành L1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003540 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh L1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Thành L1 và chị Phạm Huỳnh Bích T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 3, H.Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 86 quyển số 01/2012 ngày 30/5/2012);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ……. giờ …… phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất,- tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về "Xin ly hôn", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Ông Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trông tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thơm*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thơm.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mối tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bàu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thơm*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ ……. phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**